TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2025
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
Bà Võ Thị Diễm Kiều

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Quách Thúy Lam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 về "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị Hồng S, sinh năm 1981 - Có mặt
Địa chỉ: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: Ông Tiêu Thành H, sinh năm 1977 - Có đơn yêu cầu vắng mặt
Địa chỉ: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2025, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lưu Thị Hồng S trình bày: Bà và ông Tiêu Thành H do quen biết, tìm hiểu nhau thấy hợp ý quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C tỉnh Trà Vinh(nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2003. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, không tin tưởng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cự cải, vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến

nay không quan tâm gì đến nhau.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tiêu Thành H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 người con chung tên Tiêu Thanh P, sinh ngày 04/01/2005; Tiêu Thanh H1, sinh ngày 05/7/2007 và Tiêu Thanh H2, sinh ngày 13/6/2024. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con Tiêu Thanh H2 và chưa yêu cầu ông H cấp dưỡng. Đối với Tiêu Thanh P và Tiêu Thanh H1 đã thành niên có sức khỏe, có việc làm ổn định tự tạo ra thu nhập ổn định để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống bà và ông H không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025 ông Tiêu Thành H có lời trình bày như sau: Ông và bà Lưu Thị Hồng S xác lập hôn nhân và năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới, ông và bà S chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống gia đình và trong việc làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải nhau. Sự việc kéo dài không khắc phục được, đến khoảng tháng 4 năm 2025 ông và bà S sống ly thân cho đến nay vì vậy ông đồng ý ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông và bà S có 03 người con chung là Tiêu Thanh P, sinh ngày 04/01/2005; Tiêu Thanh H1, sinh ngày 05/7/2007 và Tiêu Thanh H2, sinh ngày 13/6/2024. Khi ly hôn, đối với Tiêu Thanh P và Tiêu Thanh H1 đã thành niên có sức khỏe, có việc làm ổn định tự tạo ra thu nhập ổn định để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Tiêu Thanh Hiển hiện do bà S nuôi thì ông đồng ý giao cho bà S tiếp tục nuôi, nếu bà S không nuôi thì ông nhận nuôi và yêu cầu bà S cấp dưỡng.

Về tài sản: Sau khi cưới, bà S về làm dâu sống chung gia đình cha mẹ ruột ông nên ông và bà S không có tạo lập được tài sản chung. Đối với nữ trang cưới do thời gian đã lâu ông không nhớ số lượng bao nhiêu và trong thời gian sống chung ông và bà S đã thống nhất bán để làm ăn hiện không còn nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống ông và bà S không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025, cháu Tiêu Thanh H2 có lời trình bày như sau: Cháu là con ruột của ông Tiêu Thành H và bà Lưu Thị Hồng S. Nếu ông H và bà S ly hôn thì nguyện của cháu được sống chung với bà S.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông.

Về nội dung: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng S.

Về hôn nhân: Cho bà Lưu Thị Hồng S được ly hôn với ông Tiêu Thành H.

Về nuôi con: Bà S được quyền nuôi dưỡng con tên là Tiêu Thanh H2, sinh ngày 13/6/2024. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với Tiêu Thanh P, sinh ngày 04/01/2005; Tiêu Thanh H1, sinh ngày 05/7/2007 đã thành niên nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà S phải nộp 300.000 đồng và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000231 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông Tiêu Thành H là bị đơn trong vụ án nhưng tại phiên tòa vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Lưu Thị Hồng S khởi kiện ông Tiêu Thành H yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông H và bà yêu cầu được quyền nuôi con khi ly hôn, ngoài ra không yêu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà Lưu Thị Hồng S và ông Tiêu Thành H tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà

Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, Quyển số 01 ngày 20 tháng 11 năm 2003. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà S và ông H là hợp pháp.

Bà S cho rằng, trong cuộc sống hôn nhân của bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc làm ăn, không tin tưởng lẫn nhau, từ đó bà và ông H thường xuyên cự cải, sự việc kéo dài không khắc phục được nên bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 cho đến nay. Vì vậy bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Đối với ông H, Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho ông Tiêu Thành H nhận để ông tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải ngày 11/8/2025 và ngày 19/8/2025, ông H đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng không tiến hành được. Ngày 12/9/2025, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, ông H vắng mặt và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng tại phiên tòa cũng không tiến hành được.

Kết quả xác minh đối với bà Lê Thị Xuân M là Chi Hội trưởng Hội phụ nữ ấp C, xã B cung cấp hiện ông H và bà S không sống chung.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà S và ông H đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...* Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của bà S và ông H không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, S và ông H không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau, bà S yêu cầu ly hôn, ông H cũng đồng ý ly hôn với bà S. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, cho bà S được ly hôn ông H.

[4]. *Về nuôi con:* Bà S và ông H chung sống sinh ba người con chung tên Tiêu Thanh P, sinh ngày 04/01/2005; Tiêu Thanh H1, sinh ngày 05/7/2007 và Tiêu Thanh H2, sinh ngày 13/6/2024. Bà S và ông H đều xác nhận Tiêu Thanh P, Tiêu Thanh H1 đã thành niên có sức khỏe, có việc làm, có thu nhập ổn định tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Tiêu T Hiển hiện sống chung với bà S, bà S yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con. Xét thấy, Tiêu Thanh H2 có nguyện vọng được sống chung với bà S và từ tháng 4 năm 2025 khi bà S và ông H ly thân cho đến nay Tiêu Thanh H2 vẫn do bà S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tiêu Thanh

H2 là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng bà S vẫn chưa đặt ra yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản:* Bà S và ông H2 không khởi kiện yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. *Về nợ chung:* Bà S và ông H2 khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

[8]. *Về án phí*: Bà S là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 43 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 3, 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lưu Thị Hồng S.

Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Hồng S được ly hôn ông Tiêu Thành H.

Về nuôi con: Bà Lưu Thị Hồng S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tiêu Thanh H2, sinh ngày 13/6/2024.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lưu Thị Hồng S có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000231 ngày 15 tháng 7 năm 2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Bà S đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Lưu Thị Hồng S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Tiêu Thành H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày ông nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Bình Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang